TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2022
V/v ly hôn giữa anh N và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Huệ
2. Ông Lê Văn Thừa
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Từ Thanh N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp TH 2, xã ĐT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp PL, xã TP, huyện C, thành phố Cần Thơ "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/11/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Từ Thanh N trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị L xác lập hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không có cơ hội để đoàn tụ nên anh N xin ly hôn. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Từ Anh K sinh 24/12/2014 và Từ Minh K sinh ngày 28/6/2020. Anh N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có. Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

Bị đơn chị Lê Thị Cẩm L trình bày: Chị L thống nhất với lời trình bày của anh N về thời gian xác lập hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Trong thời gian chung sống chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần tìm biện pháp khắc phục nhưng không có kết quả, hiện tại chị và anh N ai cũng có cuộc sống riêng. Do đó, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N. Con chung chị đồng ý giao cho anh N nuôi dưỡng. Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chị xác định không có.

Tại phiên tòa: Anh N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L là bị đơn được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị L xác lập hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, bất hòa. Vợ chồng đã nhiều lần tìm biện pháp khắc phục nhưng mâu thuẫn lại phát sinh. Quá trình tố tụng, chị L đồng ý ly hôn và giao con cho anh N nuôi. Xét thấy, hôn nhân giữa anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa anh N và chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không có.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: không có.

[3] Về án phí: Anh N phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và L phí;

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Từ Thanh N và chị Lê Thị Cẩm L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Từ Anh K sinh ngày 24/12/2014 và cháu Từ Minh K sinh ngày 28/6/2020 cho anh N nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị L, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Anh Từ Thanh N phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh N đã nộp theo biên lai thu số 0009192 ngày 18/02/2022.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niên yết tại Ủy Ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn